

Số: 56/2022/QĐST-VHNGĐ

V, ngày 04 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. V, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2022/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Bà Tạ Thị A, sinh năm 1983.
2. Ông Cảnh B, sinh năm 1981.

Cùng Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: đường M, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị A và ông Cảnh B thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Bà A và ông B có 02 con chung là cháu Cảnh G, sinh ngày 11-6-2003 và cháu Cảnh H, sinh ngày 18-3-2008. Trên cơ sở thỏa thuận của bà A và ông B, thống nhất với nguyện vọng của cháu H: Cháu H sẽ do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu G đã đủ tuổi trưởng thành nên bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết; về cấp dưỡng nuôi con: bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về Lệ phí Tòa án: Bà A và ông B mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp

luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị A và ông Cảnh B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Là cháu Cảnh G, sinh ngày 11-6-2003 và cháu Cảnh H, sinh ngày 18-3-2008. Cháu H sẽ do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu G đã đủ tuổi trưởng thành nên bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Bà A và ông B mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001670 và Biên lai thu tiền số 0001671 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Như vậy, bà A và ông B đã thi hành xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- TAND tỉnh BR-VT;
- UBND xã K, huyện L, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê